

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST

Ngày 30- 9- 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Quý

2. Ông Lò Văn Trục

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Thuật- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST- DS ngày 01/7/2021 về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXX-ST ngày 31/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa ;

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo pháp Luật:

Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng Giám đốc - Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Trịnh Anh T - Chức vụ: Giám đốc- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Địa chỉ: Phố 1, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Phạm Văn H; Sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ H, huyện B Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T; Sinh năm 1979(có mặt).

Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ H, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - đại diện theo ủy quyền-Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T thực hiện chương trình cho “vay hộ nghèo” và các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện B T theo quy định của Chính phủ. Căn cứ vào danh sách đề nghị vay vốn đã được tổ tiết kiệm và vay vốn thôn D, xã Đ H bình xét, Chủ tịch UBND xã Đ H và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T phê duyệt cho vay ngày 18/11/2016. Hộ ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T được vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ngày vay 20/11/2016 thời hạn vay 03 năm hạn trả đến 20/11/2019, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,715%/tháng, mục đích vay mua trâu.

Đến thời hạn trả nợ ngày 12/11/2019 hộ ông H và bà T không trả số tiền vay 30.000.000đ nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đã thông báo chuyển nợ quá hạn từ ngày 12/11/2019.

Đến ngày 12/3/2021 hộ ông H nộp được 6.000.000đ gốc.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T yêu cầu hộ ông H bà T phải trả gốc là 24.000.000đ lãi là 6.985.218đ

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện số tiền gốc là 24.000.000đ và lãi trong hạn chưa trả 3.292.763đ và lãi quá hạn theo hợp đồng. Yêu cầu thu hồi nợ gốc và lãi một lần.

Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T trình bày gia đình có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T 30.000.000đ vào ngày 20/11/2016 thời hạn vay 03 năm, lãi trả hàng tháng, gốc trả phân kỳ 12 tháng một lần nhưng do khó khăn nên mới trả lãi và gốc đến 12/3/2021 mới trả được 6.000.000đ. Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đã chuyển toàn bộ số nợ sang lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng gia đình tôi chấp nhận và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

Đến thời điểm xét xử người có nghĩa vụ trả nợ không có đơn xin miễn, giảm án phí và không có tài liệu chứng cứ, chứng minh hiện tại thuộc hộ nghèo hay cận nghèo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử thẩm phán, thư ký và HĐXX tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng và ban hành các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án Căn cứ: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 khoản 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T đề nghị HĐXX buộc ông H và bà T có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ gốc là 24.000.000đ và lãi trong hạn chưa trả, lãi quá hạn theo hợp đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên người có nghĩa vụ trả nợ phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, vay có thời hạn và có lãi.

[3.] *Về nội dung vụ án*: Có căn cứ xác định: Hộ ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T được vay chương trình hộ nghèo số tiền gốc 30.000.000đ giải ngân vào ngày 20/11/2016. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 0,55%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi trong hạn là 0,715%/tháng

HĐXX căn cứ Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án Lệ 08/2016/AL.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T yêu cầu hộ ông H bà T phải trả gốc là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Lãi quá hạn được tính như sau của 30.000.000đ từ 20/11/2019 đến 12/3/2021 là 15 tháng 22 ngày bằng 30.000.000đ x 0.715%/tháng x 15 tháng 22 ngày = 3.374.800đ (ba triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm đồng).

Từ 12/3/2021 đến thời điểm xét xử 30/9/2021 lãi quá hạn của 24.000.000đ là 06 tháng 18 ngày bằng $24.000.000đ \times 0.715\%/tháng \times 06\text{ tháng } 18\text{ ngày} = 1.132.560đ$ (Một triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Lãi trong hạn chưa trả của 30.000.000đ chưa trả là 3.292.763đ (Ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng) .

Tổng gốc và lãi hộ ông H và bà T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T là $24.000.000đ + 3.374.800đ + 1.132.560đ + 3.292.763đ = 31.800.123đ$ (Ba mươi một triệu tám trăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T liên đới có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền -Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T tiền gốc là 24.000.000đ, lãi trong hạn chưa trả là 3.292.763đ lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2021 là 4.507360đ. Tổng lãi là 7.800.123đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 31.800.123đ 123đ (Ba mươi một triệu tám trăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Căn cứ theo án lệ số 08/2016/AL: Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4].*Về án phí*: Đến thời điểm xét xử người có nghĩa vụ trả nợ không có đơn xin miễn, giảm án phí và không có tài liệu chứng cứ, chứng minh hiện tại thuộc hộ nghèo hay cận nghèo. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên người có nghĩa vụ trả nợ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017.

Án Lệ 08/2016/AL,

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T. Buộc hộ ông Phạm Văn H bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số gốc là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Lãi trong hạn chưa trả của 30.000.000đ chưa trả là 3.292.763đ (Ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Lãi quá hạn của 30.000.000đ từ 20/11/2019 đến 12/3/2021 là 15 tháng 22 ngày bằng $30.000.000đ \times (0,55\% \times 130\%) \times 15 \text{ tháng } 22 \text{ ngày}$
 $= 3.217.500đ + 157.300đ = 3.374.800đ$ (Ba triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm đồng).

Từ 12/3/2021 đến thời điểm xét xử 30/9/2021 lãi quá hạn của 24.000.000đ là 06 tháng 18 ngày bằng $24.000.000đ \times (0,55\% \times 130\%) \times 06 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 1.132.560đ$ (Một triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Tổng gốc và lãi là $24.000.000đ + 3.374.800đ + 1.132.560đ + 3.292.763đ = 31.800.123đ$ (Ba mươi một triệu tám trăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

3. Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T gốc và lãi là 31.800.123đ (Ba mươi một triệu tám trăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng). Trách nhiệm trả nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người phải thi hành án còn tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,715%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T. Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 31.800.123đ (Ba mươi một triệu tám trăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng) là 1.590.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)

6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước, anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị T. Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THSDS huyện BT
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến Nguyễn Văn Đàn

Trần Thị Quyên